TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KỲ ANH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 70/2019/QĐST-HNGĐ	*Kỳ Anh, ngày 14 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 71/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 05 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L

Sinh ngày: 10 tháng 12 tháng 1988

Địa chỉ: Xóm 7, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị đơn: Anh Trần Đình N

Sinh ngày: 07 tháng 08 năm 1986

Địa chỉ: Xóm 7, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, Khoản 7 Điều 26, Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 06 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 06 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị L và anh Trần Đình N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Trần Đình N có 01 con chung là: Trần Hà V- sinh ngày 25 tháng 02 năm 2010

Giao con chung cho chị Trần Thị L trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày quyết định ly hôn của Toà án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Toà án. Anh Trần Đình N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Trong thời gian chị Trần Thị L trực tiếp nuôi con chung, anh Trần Đình N cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*). Trường hợp anh Nghĩa chậm thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lệ thì anh Nghĩa phải chịu lãi đối với phần nghĩa vụ chậm thực hiện theo lãi suất 10%/năm.

Về tài sản chung: *Về tài sản chung*: Chị Trần Thị L và anh Trần Đình N không yêu cầu Tòa án phân chia;

Về nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Trần Đình N không có nợ chung.

Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005475 ngày 24 tháng 05 năm 2019. Tiền án phí chị Trần Thị L đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự: Chị L, anh N;
- VKS huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Văn thư.

THẨM PHÁN

Trần Quang Dũng